UBND HUYỆN CƯ M’GAR

**TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

**TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CƯ MGAR**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**UBND HUYỆN CƯ M’GAR

ĐẮK LẮK - 2022

**TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ**

**TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CƯ MGAR**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Hữu Công | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Nguyễn Công Long | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Lê Ngọc Sơn | Giáo viên | Thư ký |  |
| 4 | Hồ Công Mậu | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên |  |
| 5 | Chu Văn Vệ | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên |  |
| 6 | Phan Thi Minh Lệ | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 7 | Phan Thị Lâm | Giáo viên | Ủy viên |  |
| 8 | Bùi Thị Hường | Nhân viên | Ủy viên |  |
| 9 | Lê Thị Tình | Nhân viên | Ủy viên |  |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | **2** |
| Danh mục các chữ viết tắt | **6** |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | **7** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **9** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **17** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **17** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **18** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **18** |
| **Mở đầu** | **18** |
| **Tiêu chí 1.1** | **19** |
| **Tiêu chí 1.2** | **20** |
| **Tiêu chí 1.3** | **22** |
| **Tiêu chí 1.4** | **23** |
| **Tiêu chí 1.5** | **25** |
| **Tiêu chí 1.6** | **27** |
| **Tiêu chí 1.7** | **29** |
| **Tiêu chí 1.8** | **30** |
| **Tiêu chí 1.9** | **30** |
| **Tiêu chí 1.10** | **32** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **34** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **35** |
| **Mở đầu** | **35** |
| **Tiêu chí 2.1** | **36** |
| **Tiêu chí 2.2** | **38** |
| **Tiêu chí 2.3** | **41** |
| **Tiêu chí 2.4** | **44** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **46** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **47** |
| **Mở đầu** | **47** |
| **Tiêu chí 3.1** | **48** |
| **Tiêu chí 3.2** | **50** |
| **Tiêu chí 3.3** | **52** |
| **Tiêu chí 3.4** | **54** |
| **Tiêu chí 3.5** | **55** |
| **Tiêu chí 3.6** | **57** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **59** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **35** |
| **Mở đầu** | **60** |
| **Tiêu chí 4.1** | **60** |
| **Tiêu chí 4.2** | **62** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **64** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **64** |
| **Mở đầu** | **64** |
| **Tiêu chí 5.1** | **64** |
| **Tiêu chí 5.2** | **67** |
| **Tiêu chí 5.3** | **68** |
| **Tiêu chí 5.4** | **71** |
| **Tiêu chí 5.5** | **68** |
| **Tiêu chí 5.6** | **75** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **77** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **18** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **80** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 1 | HT | Hiệu trưởng |
| 2 | PHT | Phó hiệu trưởng |
| 3 | CB | Cán bộ |
| 4 | GV | Giáo viên |
| 5 | NV | Nhân viên |
| 6 | HS | Học sinh |
| 7 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 8 | CM | Chuyên môn |
| 9 | THCS | Trung học cơ sở |
| 10 | GDĐT | Giáo dục đào tạo |
| 11 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 12 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 13 | CLGD | Chất lượng giáo dục |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | Không đạt |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 1 |  | X |  |
| Tiêu chí 2 |  | X |  |
| Tiêu chí 3 |  | X |  |
| Tiêu chí 4 |  | X |  |
| Tiêu chí 5 |  | X |  |
| Tiêu chí 6 |  | X |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2****Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CƯ MGAR

Tên trước đây (nếu có): Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Cư M’gar

Cơ quan chủ quản: Ủy Ban Nhân Dân Huyện Cư M’gar

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | ĐẮK LẮK |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Hữu Công |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Cư M'gar |  | Điện thoại | 0500.3534.187 |
| Xã / phường/thị trấn | Thị Trấn Quảng Phú |  | Fax |  |
| Đạt CQG | Đạt mức 1 |  | Website | http://ptdtnt.pgddtcumgar.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1993 |  | Số điểm trường | 0 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt | √ |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** |
| Khối lớp 6 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 7 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 8 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 9 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **Cộng** | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 |  |
| 1 | Phòng học | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| a | Phòng kiên cố | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| a | Phòng kiên cố | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính-quản trị | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
|  | Cộng | 13 | 13 | 13 | 13 | 13 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Giáo viên | 10 | 4 | 0 | 0 | 10 | 0 |  |
| Nhân viên | 11 | 9 | 1 | 0 | 11 | 0 |  |
| **Cộng** | 23 | 12 | 1 | 0 | 23 | 0 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số học sinh | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| *- Nữ* | 118 | 114 | 109 | 109 | 109 |  |
| *- Dân tộc* | 157 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| *- Khối lớp 6* | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |  |
| *- Khối lớp 7* | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |  |
| *- Khối lớp 8* | 40 | 39 | 40 | 40 | 39 |  |
| *- Khối lớp 9* | 38 | 40 | 37 | 40 | 39 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 39.5 | 39.75 | 39.25 | 40 | 39.5 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 154 | 158 | 155 | 158 | 157 |  |
| 97,47% | 99,37% | 98,73% | 98,75% | 99,37% |
| *- Nữ* | 114 | 113 | 107 | 107 | 108 |  |
| 96,61% | 99,12% | 98,16% | 98,17% | 99,08% |
| *- Dân tộc thiểu số* | 114 | 113 | 107 | 107 | 108 |  |
| 96,61% | 99,12% | 98,16% | 98,17% | 99,08% |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 13 | 30 | 7 | 9 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| *- Nữ* | 118 | 114 | 109 | 109 | 109 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | - Tổng số học sinh | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| *- Nữ* | 118 | 114 | 109 | 109 | 109 |  |
| *- Dân tộc* | 157 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| *- Khối lớp 6* | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |  |
| *- Khối lớp 7* | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |  |
| *- Khối lớp 8* | 40 | 39 | 40 | 40 | 39 |  |
| *- Khối lớp 9* | 38 | 40 | 37 | 40 | 39 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 39.5 | 39.75 | 39.25 | 40 | 39.5 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 157 | 158 | 155 | 158 | 158 |  |
| 99,37% | 99,37% | 98,73% | 98,75% | 99,37% |
| *- Nữ* | 114 | 113 | 107 | 107 | 108 |  |
| 96,61% | 99,12% | 98,16% | 98,17% | 99,08% |
| *- Dân tộc thiểu số* | 114 | 113 | 107 | 107 | 108 |  |
| 96,61% | 99,12% | 98,16% | 98,17% | 99,08% |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 23 | 13 | 30 | 7 | 9 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| *- Nữ* | 118 | 115 | 109 | 109 | 109 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 158 | 159 | 157 | 160 | 158 |  |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

b) Kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 13,3 | 11,3 | 10,8 | 10 | 13,9 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 67,7 | 68,6 | 66,9 | 75,6 | 89,2 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 87,3 | 91,2 | 96,2 | 95,0 | 96,2 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 12,7 | 8,8 | 3,8 | 5,0 | 3,8 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Huyện Cư M’gar có diện tích tự nhiên là 824,43 km2, có 15 xã, 02 thị trấn, với 189 thôn, buôn, tổ dân phố. Dân số toàn Huyện trên 170.000 người, trong đó đồng bào dân tộc kinh chiếm 54%, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm khoảng 36%, dân tộc thiểu số khác chiếm 10%. Hiện nay, toàn huyện có 89 trường học từ mầm non đến bậc THPT. Huyện có 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên và nghề nghiệp, gồm 17 trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, thị trấn; 100% xã, thị trấn đã đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS; toàn huyện có 42 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 32,2%, trong đó có trường phổ thông dân tộc nội trú.

Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Cư M’gar được thành lập vào năm 1993 theo Quyết định số 82/TCCB ngày 10 tháng 11 năm 1993 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Lăk, là một trường chuyên biệt được Nhà nước thành lập nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số và con em các dân tộc trên địa bàn huyện Cư M’gar.

Nhà trường được Đảng, Nhà nước và Sở Giáo dục và Đào tạo quan tâm, ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị và ngân sách đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường được lựa chọn, bố trí để đảm bảo việc nuôi, dạy học sinh, nhìn chung có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương đối vững vàng, đủ khả năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đội ngũ học sinh của nhà trường hàng năm được tuyển chọn nên nhìn chung đa số các em có ý thức chăm chỉ học tập và rèn luyện, các em được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

Trong mấy năm qua, hằng năm trường có 4 khối lớp với 158 học sinh là học sinh dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên hằng năm có 23 người. Trong đó: CBQL: 02; giáo viên: 10; nhân viên: 11.

Trường có Chi bộ với 13 đảng viên chính thức; tổ chức Công đoàn với 23 đoàn viên và người lao động; Liên đội thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh.

1. **Mục đích tự đánh giá**

Quá trình tự đánh giá nhà trường dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành quy định “về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học”. Để xác định thực trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất, từ đó thực hiện các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường và để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Từ việc tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định trường trung học đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường trung học; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

1. **Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Từ năm học 2017-2018, nhà trường đã xây dựng và thông qua kế hoạch tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường, xác định mục đích, phạm vi, yêu cầu và lộ trình hoàn thành quá trình tự đánh giá, hoàn thiện hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài. Nội dung kế hoạch của nhà trường bao gồm: tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ tự đánh giá; thành lập hội đồng tự đánh giá; thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng; đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BÁO CÁO TIÊU CHUẨN 2**

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

**Mở đầu:** Những năm qua, trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS huyện Cư M’gar với đội ngũ CBQL, GV, NV có đủ điều kiện, phẩm chất và năng lực để triển khai tốt các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường. Đặc biệt, CBQL có năng lực chuyên môn tốt, có tầm nhìn chiến lược, luôn tận tâm, năng nổ với công việc; có tinh thần tương trợ, giúp đỡ cho đội ngũ GV, NV trong mọi lĩnh vực mà mình đảm nhận. Đội ngũ CBQL, GV, NV của trường đều đạt chuẩn theo luật giáo dục 2019, hàng năm đều được xếp loại từ Đạt trở lên theo chuẩn nghề nghiệp. Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn luôn được trau dồi nên số lượng giáo viên đạt GVDG cấp huyện, tỉnh hàng năm đều đạt kết quả. Tập thể CBQL, GV, NV trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống. Điều đó đã góp phần thúc đẩy chất lượng giáo dục và mọi hoạt động giáo dục của nhà trường ngày một đi lên. Các em HS chăm ngoan và thực hiện tốt nội quy của trường, lớp, của khu nội trú, phòng ở. Nhà trường rất coi trọng việc đảm bảo quyền lợi và tạo mọi điều kiện tốt nhất để các em học sinh yên tâm, phấn đấu học tập và rèn luyện, sinh sống tại trường.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Dựa trên căn cứ của thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 và thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, THPT và trường Phổ thông nhiều cấp học, quy định Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phải đạt yêu cầu về trình độ đào tạo của nhà giáo và thời gian công tác theo quy định của Luật giáo dục trường phổ thông. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường trước khi được bổ nhiệm đều có bằng cấp theo yêu cầu và đảm bảo đủ thời gian công tác trước khi được bổ nhiệm làm cán bộ quản lý **[H2-1.4-01]; [H7-2.1-01].**

Căn cứ vào Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018, hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn trở lên **[H7-2.1-02]; [H7-2.1-03].**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đều có trình độ đạt chuẩn đã được bồi dưỡng sơ cấp và trung cấp lí luận chính trị, nghiệp vụ quản lí giáo dục, hoàn thành Bồi dưỡng thường xuyên Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Mô đun 1 đến mô đun 5 và mô đun 9 **[H7-2.1-04].**

**Mức 2:**

Trong 5 năm liên tiếp tính từ thời điểm đánh giá, HT của nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên. Năm học 2020 - 2021 và năm học 2021 - 2022 HT nhà trường được đánh giá đạt chuẩn ở mức Khá **[H7-2.1-02].**

HT và PHT đã hoàn thành lớp bồi dưỡng sơ cấp và trung cấp lí luận chính trị, được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lí giáo dục. Với phẩm chất và tầm nhìn của mình HT và PHT đều được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, thể hiện qua phiếu đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của giáo viên, nhân viên hàng năm **[H7-2.1-05].**

**Mức 3:**

Từ năm học 2019-2020 đến nay, HT và PHT của trường đều đạt chuẩn ở mức Khá theo Quy định chuẩn nghề nghiệp, trong các năm qua HT và PHT đều được cấp trên công nhận là Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và được các cấp quản lý khen thưởng. HT nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm cao, luôn tâm huyết với nhiệm vụ trọng tâm của từng năm học; tuy nhiên trong công tác quản lí, đặc biệt là công tác tại ngôi trường mang tính đặc thù, 100% các em học sinh là con em dân tộc thiểu số thì ngôn ngữ dân tộc thiểu số là cần thiết nhằm hỗ trợ cho việc giáo dục, hỗ trợ các em và đây cũng là hạn chế, khó khăn rất lớn dành cho Hiệu trưởng, chính vì vậy mà trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chưa có năm nào Hiệu trưởng được đánh giá ở mức Tốt **[H7-2.1-06]; [H7-2.1-02].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đội ngũ CBQL đều đạt chuẩn theo luật giáo dục 2019 về văn bằng chứng chỉ, được bồi dưỡng qua các lớp quản lí giáo dục, trung cấp lí luận chính trị, khả năng ứng dụng thành thạo CNTT trong công tác quản lí và giảng dạy và luôn được đội ngũ giáo viên, nhân viên tín nhiệm. Việc đánh giá chuẩn HT và PHT theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 07 năm 2018 đều được thực hiện đúng quy định hằng năm.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, với tầm nhìn chiến lược của CBQL nên các đoàn thể trong nhà trường luôn xây dựng kế hoạch kịp thời, hiệu quả, tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Nội bộ viên chức trong nhà trường luôn giữ mối đoàn kết, yêu thương, trách nhiệm.

**3. Điểm yếu**

HT và PHT còn hạn chế ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nên trong việc tư vấn cho các em học sinh dẫn đến chưa tạo được sự đột phá trong chuyển biến và nâng cao chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Năm học 2021-2022 (tháng 10 năm 2021), 1 phó hiệu trưởng được tín nhiệm và bổ nhiệm làm Phó trưởng phòng GD-ĐT nên hiện tại nhà trường còn thiếu 01 PHT làm ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động quản lí và giáo dục học sinh trong nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tới, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy các điểm mạnh và không ngừng nghiên cứu tìm ra các biện pháp để khắc phục điểm yếu mà nhà trường đã nhận định được như đã nêu ở trên.

Nhà trường có kế hoạch tham mưu với UBND huyện, Phòng GD-ĐT Cư M’gar mở các lớp bồi dưỡng ngôn ngữ dân tộc thiểu số cho CBQL.

HT và PHT tiếp tục tự học và sáng tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhằm đáp ứng kịp thời với chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

HT và PHT cần bám sát công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất của đội ngũ giáo viên để chất lượng giáo dục của trường ngày càng đi lên.

Tham mưu với Huyện Ủy, UBND huyện, phòng GD-ĐT bổ sung thêm một phó hiệu trưởng tăng thêm sức mạnh trong đội ngũ quản lí của nhà trường nhằm đưa chất lượng giáo dục nhà trường ngày càng phát triển.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Trên cơ sở biên chế hằng năm được UBND huyện phê duyêt, vào đầu mỗi năm học, nhà trường dựa trên tình hình thực tế để phân công vị trí việc làm phù hợp với trình độ đào tạo của GV **[2.2-01]; [H4-1.7-03]; [H7-2.2-02].**

Đội ngũ GV được phân công giảng dạy theo chuyên môn đào tạo và đều đạt trình độ chuẩn, chiếm tỉ lệ 100% **[H7-2.2-03]**.

Trong 05 năm trở lại đây, bên cạnh sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu, sự tìm tòi, nỗ lực, phấn đấu học hỏi không ngừng của Đội ngũ giáo viên trong công tác giảng dạy nên cuối mỗi năm học 100% giáo viên nhà trường đều được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Đạt trở lên **[H7-2.2-04].**

**Mức 2:**

Cùng với sự phát triển không ngừng của đất nước, vai trò của giáo dục cũng không ngừng đổi mới, vì vậy đội ngũ giáo viên không ngừng trau dồi chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới của sự nghiệp giáo dục. Đó là minh chứng cho việc hằng năm số lượng GV đăng kí tham gia đào tạo chuẩn trình độ được duy trì **[H7-2.2-03].**

Tính từ thời điểm đánh giá (từ năm học 2019-2020 đến năm học 2021-2022), nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Đạt trở lên, trong đó có ít nhất 83.3 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá **[H7-2.2-04].**

Hằng năm nhà trường triển khai đầy đủ kế hoạch hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và hướng dẫn HS đi trải nghiệm, nhà trường tổ chức cho GV hướng dẫn HS tham gia nghiên cứu khoa học kĩ thuật, viết SKKN đạt kết quả cấp trường và tham gia dự thi cấp huyện **[H7-2.2-05]; [H7-2.2-06]; [H7-2.2-07]; [H7-2.2-08]; [H7-2.2-09].**

**Mức 3:**

Trong 5 năm qua (tính từ thời điểm đánh giá) nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Đạt và Khá trở lên, không có GV nào xếp loại chưa Đạt. Tuy nhiên đội ngũ giáo viên vẫn còn hạn chế trong việc sử dụng ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số nên trong đánh giá chuẩn nghề nghiệp tỉ lệ đạt Tốt chưa có **[H7-2.2-04].**

Mỗi năm, nhà trường đều phát động tổ chức các hội giảng, hội thi GVDG, GVCN....cấp trường. Qua đó, tuyển chọn được đội ngũ GV tham gia các Hội thi GVDG, GVCN giỏi cấp huyện thông qua việc trình bày các báo cáo về biện pháp liên quan về phương pháp đổi mới chuyên môn, nghiệp vụ, biện pháp làm tốt công tác chủ nhiệm của GV từ đó nhân rộng lên những biện pháp có ảnh hưởng lớn đến đổi mới các phương pháp dạy học trong nhà trường **[H7-2.2-10]**.

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ GV có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình trong công tác, ý thức nghề nghiệp cao, có uy tín với CMHS.

Đội ngũ giáo viên luôn chú trọng công tác đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, tích cực ứng dụng CNTT vào dạy học, chú trọng tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Đội ngũ giáo viên có 100 % đạt chuẩn. Nhà trường có số lượng đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở là 20%/năm.

Đội ngũ tổ trưởng chuyên môn có uy tín và năng lực, đã kịp thời xây dựng kế hoạch và tổ chức trao đổi, học tập, bồi dưỡng được nhiều nội dung chuyên môn cho giáo viên về nghiệp vụ sư phạm. Coi trọng việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, lấy tổ chuyên môn làm cơ sở để bồi dưỡng đội ngũ thông qua hội giảng, hội thi, nghiên cứu theo hướng bài dạy, bồi dưỡng chuyên đề…

Tóm lại, đội ngũ GV của nhà trường luôn có ý thức cầu tiến, không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ và 100% giáo viên trong nhà trường thực hiện tốt quy chế, quy định của nhà giáo.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ có trình độ ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số của giáo viên còn chưa cao (đơn vị mang tính đặc thù 100% các em là con em DTTS tại địa phương). Cơ cấu số lượng giáo viên trên từng bộ môn chưa đồng bộ; GV chưa được bồi dưỡng để thực hiện giảng dạy một số môn học như Khoa học tự nhiên, Lịch sử- Địa lí theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tới, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy các điểm mạnh và không ngừng nghiên cứu tìm ra các biện pháp để khắc phục điểm yếu mà nhà trường đã nhận định được như đã nêu ở trên, cụ thể như:

Kết hợp với Ban chấp hành Công đoàn phát động phong trào tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tin học, cụ thể phát huy hơn nữa vai trò nòng cốt của các tổ trưởng chuyên môn nhất là sau khi các tổ trưởng chuyên môn được tập huấn về công tác quản lý tổ. Coi trọng việc sinh hoạt chuyên môn, nhất là nhóm chuyên môn làm cơ sở để bồi dưỡng đội ngũ thông qua sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài dạy. Dùng đội ngũ GV giỏi làm nòng cốt để xây dựng ý thức trách nhiệm, thái độ làm việc và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trẻ. Phát huy vai trò của những GV có năng lực về CNTT, về kỹ thuật phương pháp soạn giảng, dạy học mới để chia sẻ giúp đỡ đồng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả của đổi mới PPDH, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học của mỗi bộ môn.

Nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, phấn đấu 100% GV trong nhà trường đạt kết quả từ Khá trở lên khi tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị.

Tiếp tục tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của GV để CBQL, GV nhận thức đầy đủ hơn và thực hiện đúng theo qui định.

Tham mưu với UBND huyện, phòng GD-ĐT Cư M’gar mở lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ giáo viên nhằm hỗ trợ tốt hơn cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Đội ngũ nhân viên của nhà trường được phân công nhiệm vụ theo quy định của điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm: 01 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 02 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên cấp dưỡng, 01 nhân viên tạp vụ. Đội ngũ nhân viên được bố trí phù hợp với vị trí việc làm **[H4-1.7-03].**

Đội ngũ nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với vị trí việc làm, điều kiện thực tế của nhà trường. Đảm bảo đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách, lưu các văn bản chỉ đạo, chứng từ thanh quyết toán, chứng từ xuất nhập thanh lí tài sản đúng theo qui định điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và thực hiện tốt nguyên tắc tài chính **[H8-2.3-01]; [H3-1.5-03].**

Cuối mỗi năm học, dựa vào kết quả tổng kết đánh giá, đa số nhân viên được nhà trường phân công làm công tác kiêm nhiệm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, bên cạnh đó một số nhân viên cần học tập thêm nhằm nâng cao hơn năng lực và hiệu quả công việc **[H8-2.3-02].**

**Mức 2:**

Tính từ thời điểm đánh giá đến nay việc định mức biên chế hằng năm đều được các cấp thực hiện rất rõ ràng, minh bạch, vì vậy số lượng và cơ cấu nhân viên luôn được đảm bảo theo đúng quy định **[2.2-01]**.

Đội ngũ nhân viên được sắp xếp công việc phù hợp với năng lực công tác vì vậy trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật **.**

**Mức 3:**

Trong mỗi năm học, các nhân viên tích cực tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. Đội ngũ nhân viên của trường được làm việc đúng với trình độ đào tạo, đáp ứng được vị trí việc làm **[H8-2.3-01]; [H4-1.7-03].**

Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công do phòng GD-ĐT, phòng tài chính – kế hoạch tổ chức. Nhân viên văn thư và kế toán được bồi dưỡng về nghiệp vụ được giao, có bằng tốt nghiệp cao đẳng, được tham gia các lớp tập huấn dành cho nhân viên văn thư, kế toán**,** bảo vệ **[H3-1.5-03]; [H8-2.3-03].**

**2. Điểm mạnh**

Những năm gần đây, để đáp ứng với sự nghiệp đổi mới giáo dục thì đội ngũ nhân viên nhà trường cũng luôn chú ý đến việc bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Hầu hết nhân viên trong trường đều có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng, yên tâm công tác và rất chú trọng đến việc tự nghiên cứu nghiệp vụ của bản thân, nhân viên kế toán, thiết bị có nghiệp vụ bậc Cao đẳng.

 Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, trách nhiệm và tâm huyết với công việc, sự chỉ đạo hoạt động của tổ có tính khoa học cho nên các thành viên của tổ văn phòng hoàn thành tốt các công việc được giao.

Đội ngũ nhân viên của trường được đảm bảo các quyền, phát huy dân chủ trong mọi hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số nhân viên nằm trong diện hợp đồng ngoài nghị định 68 (y tế, thiết bị,...) nên không được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định.

Một số nhân viên thiếu chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ; nhân viên còn bố trí công tác kiêm nhiệm nên ảnh hưởng hiệu quả công tác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tới, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy các điểm mạnh và không ngừng nghiên cứu tìm ra các biện pháp để khắc phục điểm yếu mà nhà trường đã nhận định được như đã nêu ở trên, cụ thể như:

Tiếp tục kiện toàn và củng cố tổ văn phòng, xác định rõ chức năng, chức trách cho mỗi thành viên. Tổ chức giao ban định kỳ với Kế toán, Thủ quỹ để theo dõi thu chi. Hoàn thiện qui chế chi tiêu nội bộ theo hướng có chế độ đãi ngộ với Nhân viên văn phòng để động viên, khích lệ tinh thần làm việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, nhà trường bố trí sắp xếp cho NV tham gia vào các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ qua các đợt tổ chức của ngành. Chú trọng nâng cao trình độ CNTT cho nhân viên để hoàn thành tốt công việc.

Trưởng các ban ngành tăng cường góp ý, thúc đẩy tư vấn, hoạt động quản lý, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Tham mưu với UBND huyện Cư M’gar có chính sách bổ sung chỉ tiêu biên chế giúp nhân viên nhà trường an tâm công tác.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

100% học sinh tham gia học tập trong nhà trường đảm bảo quy định về tuổi theo điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học **[1.5-01]; [1.5-02]; [1.5-06].**

Căn cứ theo các quy định điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và quy chế hoạt động trường PTDT nội trú, nhà trường xây dựng nội quy, quy chế cho học sinh, cho HS đăng kí thi đua và thực hiện tốt các nội quy quy chế đã ban hành. HS tham gia đầy đủ các hoạt động và các phong trào thi đua như: hoạt động trải nghiệm sáng tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, văn hóa văn nghệ TDTT... **[H3-1.5-03].**

Các em học sinh được đảm bảo quyền lợi theo quy định, được học tập, vui chơi, rèn luyện... được nuôi dạy chăm sóc và được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định đối với học sinh trường dân tộc nội trú **[H3-1.5-03].**

**Mức 2:**

Trên cơ sở nội quy, quy chế của nhà trường đã ban hành, bộ phận Đội cờ đỏ, Ban quản lý nề nếp, GVCN, giáo viên bộ môn, nhân viên đều tham gia quản lý học sinh. Mặt khác, nhà trường đã kịp thời xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và công an thị trấn Quảng Phú, nhằm kịp thời phát hiện nhắc nhở và có biện pháp giáo dục phù hợp đối với những HS đi lệch chuẩn, có các biện pháp giáo dục phù hợp để các em có hướng chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn một vài HS vẫn còn vi phạm nội quy trường, lớp **[H6-1.10-02]; [1.5-02]; [H3-1.5-03].**

**Mức 3:**

Chất lượng mũi nhọn học sinh giỏi của nhà trường trong nhiều năm qua đạt kết quả cao, nề nếp học tập, hạnh kiểm học sinh ngày một tiến bộ, tạo niềm tin cho nhân dân khi gửi con đến trường, số lượng học ổn định hằng năm. Mỗi năm học nhà trường đều tổ chức lựa chọn, phát hiện học sinh giỏi và có kế hoạch phân công bồi dưỡng, tạo nguồn cho các năm kế tiếp. Số lượng học giỏi cấp huyện đạt từ 5 học sinh đến 10 học sinh giỏi cấp huyện/năm. Mỗi năm đều có học sinh tham gia các kì thi năng khiếu và đều mang về thành tích cao cho nhà trường. Đặc biệt các em HS đạt HSG các môn văn hóa, TDTT các cấp, HS năng khiếu ở các khối lớp, có tác động tích cực đến phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của toàn trường **[H8-2.4-01]; [H3-1.5-03].**

**2. Điểm mạnh**

Công tác chỉ đạo của BGH kịp thời tới các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể nên các phong trào thi đua giáo dục và rèn luyện ngày càng được phát huy. Liên đội thường xuyên đổi mới sinh hoạt dưới cờ và giờ ra chơi nên đã góp phần đáng kể trong việc giúp nhà trường kịp thời giáo dục học sinh. Đa số HS chăm ngoan, cố gắng trong việc hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

Nhà trường làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm đúng quy định, áp dụng nhiều biện pháp giáo dục tích cực để giáo dục kĩ năng sống học sinh; công tác khen thưởng, tuyên dương đối với học sinh có thành tích cao trong học tập và rèn luyện được chú trọng.

**3. Điểm yếu**

Đa số các em đều xa nhà đến trường học tập và nội trú nên vẫn thường thiếu vắng sự chăm sóc thường xuyên của bố mẹ hằng ngày; một số em lớp 6 thời gian đầu còn nhớ nhà, chưa tự làm được một số việc phục vụ bản thân. Vẫn còn một vài em tinh thần tự học tự rèn chưa cao, còn vi phạm nội quy nhà trường, lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nâng cao vai trò của mọi thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường trong việc giáo dục hạnh kiểm học sinh, nhất là vai trò của tổ chức Đội thiếu niên và bộ phận nề nếp để tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, quản lý học sinh một cách sâu sát, chặt chẽ và đồng bộ nhằm kịp thời ngăn chặn, xử lí và giáo dục những học sinh có hành vi phạm nội quy, vi phạm cam kết của nhà trường.

Tăng cường phối hợp với Ban đại diện CMHS trường, lớp và các GVCN để phối hợp quản lý và giáo dục.

Phát huy tốt hoạt động của tổ tư vấn học đường nhằm nắm bắt được nguyện vọng cũng như tâm tư, tình cảm, những vướng mắc của các em trong học tập, trong các mối quan hệ về bạn bè cùng và khác giới, về hoàn cảnh gia đình kịp thời, nhằm giáo dục, cảm hoá, giải thích giúp các em có định hướng đúng, có kỹ năng trong việc giải quyết những vấn đề cá nhân trong học tập và trong cuộc sống. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong tổ tư vấn tâm lí học đường phụ trách giúp đỡ, tư vấn, hỗ trợ cho các em học sinh theo các xã khác nhau (một thành viên sẽ hỗ trợ cho một nhóm học sinh ở một xã cụ thể). Từ đó sẽ tạo được tâm lí ổn định cho các em an tâm, tự tin hơn khi theo học tập và rèn luyện tại trường.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo để học sinh có điều kiện thể hiện năng khiếu của mình, biết hoà đồng vào tập thể, xây dựng môi trường thân thiện, đoàn kết giữa các học sinh trong lớp với nhau và trong toàn trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

Từ những đánh giá trên về Tiêu chuẩn 2: Nhà trường khẳng định đội ngũ CBQL, GV, NV có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục nhà trường. Các tổ chuyên môn luôn bám sát với các chủ đề năm học để hoàn thành nhiệm vụ. Các tổ chức đoàn thể luôn đầy đủ các loại hồ sơ kế hoạch để phối hợp với BGH nhà trường. Đặc biệt đã tập hợp được sự đồng thuận cao trong đội ngũ nên đã phát huy được sức mạnh tập thể mang lại thành tích cao cho nhà trường.

Đội ngũ giáo viên đã ý thức được truyền thống của nhà trường, với bề dày thành tích của nhiều thế hệ đã dày công xây dựng nên đã không ngại khó, luôn phấn đấu nâng cao đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đạt theo quy định. Hằng năm có số CBQL, GV, NV đạt GVDG, CSTĐ có từ 1 đến 3 người.

Đội ngũ nhân viên được phân công đúng chuyên môn nghiệp vụ luôn nhiệt tình, có tính tự giác cao nên đã hoàn thành tốt công việc được giao.

Đội ngũ học sinh của nhà trường đa số có ý thức chăm chỉ học tập và rèn luyện, luôn thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh theo Điều lệ trường học quy định và nội quy của nhà trường. Trong nhiều năm qua nhà trường không có học sinh vi phạm pháp luật. Các em được hưởng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước được đảm bảo các quyền theo quy định.

Bên cạnh những thế mạnh vốn có, nhà trường vẫn còn một số hạn chế như: việc khai thác các phần mền ứng dụng CNTT vào bài giảng có đôi lúc còn gặp nhiều khó khăn. Còn một số em HS còn vi phạm nội quy của trường, lớp.

Qua đánh giá 04 tiêu chí của tiêu chuẩn 2, kết quả đạt như sau:

***+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4***

***+ Số tiêu chí đạt: 4***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %

Đạt Mức 1: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

Đạt Mức 2: 4/4 tiêu chí chiếm 100 %

Đạt Mức 3: 3/4 tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

**Mở đầu:** Trường PT DTNT THCS huyện Cư M’gar đã và đang từng bước tiến hành đẩy mạnh công tác dạy học và các hoạt động giáo dục để đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện cho học sinh, nhà trường luôn xác định những điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đóng vai trò rất quan trọng đảm bảo cho đội ngũ viên chức của nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục được giao. Chính vì vậy trong những năm qua nhà trường đã tích cực phát triển và quản lý tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh. Nhà trường có một khuôn viên riêng biệt, rộng, thoáng mát, có tường bao, có cổng trường, biển trường. Trong trường đảm bảo cảnh quan, môi trường an toàn, xanh - sạch - đẹp. Nhà trường có đủ khối phòng học, khối phòng bộ môn đảm bảo diện tích, ánh sáng, thoáng mát; bàn ghế học sinh đạt chuẩn; có phòng Truyền thống nhà trường, phòng Đội; có đủ khối phòng hành chính, khu bếp ăn tập thể, khu kí túc xá dành cho học sinh ăn ở, rèn luyện và học tập tại trường, có khu để xe riêng biệt cho giáo viên; có đủ nhà vệ sinh phục vụ riêng biệt cho giáo viên và học sinh, các phòng ở; hệ thống cấp thoát nước, nước uống, nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh. Việc thu gom rác thải được tiến hành hàng ngày. Trang thiết bị khá đủ để phục vụ dạy học, thực hành, nghiên cứu. Nhà trường có thư viện đạt chuẩn, có đầy đủ các loại sách, báo, tạp chí, sách tham khảo, sách giáo khoa được đầu tư hàng năm về số lượng cũng như chủng loại phục vụ tốt nhu cầu đọc, tham khảo cho giáo viên và các em học sinh.

Để trường được phát triển tốt nhất thì yếu tố cơ bản như CSVC, trang thiết bị dạy học là hai điều kiện thiết yếu phục vụ hoạt động dạy và học của GV, HS. Chính vì vậy, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với UBND huyện Cư M’gar kinh phí để tu sửa xây dựng CSVC, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục. Nhìn chung cơ sở vật chất và trang thiết bị của nhà trường tương đối đảm bảo phục vụ cho yêu cầu đổi mới toàn diện chương trình giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Khu sân chơi, bãi tập trong nhà trường được bố trí trên một khu đất khá đẹp, vị trí thoáng mát và riêng biệt, có nhiều cây xanh, cây cảnh đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn. Tổng diện tích là 11.683,2 m2 với tổng số học sinh là 158em, theo đúng quy định để tổ chức các hoạt động giáo dục **[3.1-01].**

Trường có cổng trường, biển tên trường khang trang, thiết kế đúng chuẩn quy định của Bộ GD-ĐT. Ngoài ra, còn có 1 cổng phụ gần Nhà bếp ăn tập thể để thuận tiện cho việc giao hàng thực phẩm, thiết yếu phục vụ nhu cầu ăn uống, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho các em học sinh. Trường có hệ thống tường rào cao trên 2,2m bao quanh đảm bảo yêu cầu an toàn**[3.1-02].**

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập, nhà đa năng tương đối đầy đủ, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường **[3.1-03].**

**Mức 2:**

Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập được tách biệt riêng với khu học tập, có đủ các thiết bị luyện tập thể dục thể thao phục vụ yêu cầu bộ môn Giáo dục thể chất. Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn thiếu một số khu phục vụ cho các bộ môn điền kinh, bóng rổ… **[3.1-02].**

**Mức 3:**

Trường học nằm trên địa bàn thị trấn thuộc đô thị loại IV nên có diện tích đủ rộng để đáp ứng với tiêu chuẩn mà Điều lệ trường đưa ra đối với môn Giáo dục thể chất, trung bình 73,9 m2/học sinh **[3.1-01].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường nằm ở vị trí địa lí phù hợp với đặc thù của trường phổ thông dân tộc nội trú có cảnh quan an toàn xanh, sạch, đẹp đảm bảo cho các em học sinh vui chơi, học tập, ở tại trường. Hằng năm, trường luôn bổ sung nhiều cây xanh, cây cảnh tạo mĩ quan, môi trường trong lành đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Diện tích của trường đảm bảo đủ để tổ chức các hoạt động quản lý, dạy học và duy trì tốt các hoạt động sinh hoạt, ăn ở, vui chơi, rèn luyện, học tập cho học sinh trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường vẫn còn thiếu một số sân chơi bãi tập như sân bóng rổ, sân bóng đá mini và môn điền kinh…

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong các năm học tiếp tho, căn cứ chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ tiếp tục điều chỉnh theo lộ trình, cụ thể như:

Nhà trường tiếp tục tham mưu với Huyện Ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện, phòng GD-ĐT huyện Cư M’gar để từng bước có đầy đủ CSVC trang thiết bị dạy học để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh theo quy định của trường đạt chuẩn. Tiết kiệm nguồn ngân sách chi thường xuyên để bổ sung CSVC, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao còn thiếu.

Cần tham mưu nâng cấp một số hạng mục sân chơi thể thao cho học sinh, bổ sung các thiết bị tập luyện còn thiếu để đáp ứng kịp thời nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho các em học sinh khi tham gia học tập, ăn ở tại trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.2: Phòng học**

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường có số phòng học đạt chuẩn theo quy định, có bàn ghế của giáo viên và HS, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo tốt nhất cho việc dạy và học 2 buổi/ngày. Thiết bị phục vụ dạy và học đảm bảo đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học **[3.2-01]; [H8-3.2-02]; [1.6-02].**

Nhà trường có khá đầy đủ phòng học bộ môn: 01 phòng thực hành thí nghiệm môn Vật Lí, Hóa - Sinh, 01 phòng học Tin học, 01 phòng máy chiếu. Tuy nhiên, hiện tại nhà trường còn thiếu phòng Lab cho môn tiếng Anh, chưa có phòng thực hành riêng cho các môn KHTN… **[H8-3.2-02].**

Nhà trường có phòng hoạt động Đội, phòng truyền thống, phòng thư viện và phòng đọc sách cho học sinh và giáo viên. Các phòng nêu trên hằng năm đi vào hoạt động có hiệu quả **[H3-1.5-03].**

**Mức 2:**

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định với diện tích 48m2/01 phòng, trung bình 1,6m2/học sinh được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, chất lượng tốt, đáp ứng cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Mỗi phòng học đều được trang trí cờ Tổ quốc, ảnh Bác Hồ, 5 điều Bác Hồ dạy, khẩu hiệu; mỗi phòng học có một màn hình ti vi lớn hỗ trợ cho việc dạy học theo chương trình giáo dục mới. Phòng tin học có gần 30 máy và 1 máy chủ, hầu hết các máy tính đều vận hành tốt, được bảo dưỡng thường xuyên **[3.2-01]; [1.6-02].**

Khối phục vụ học tập, gồm 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện có phòng đọc sách cho giáo viên và học sinh, 01 phòng y tế có đầy đủ thiết bị sơ cứu và tủ thuốc, 01 phòng văn thư, 1 phòng kế toán, 1 phòng hội đồng sư phạm… đáp ứng yêu cầu các hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường theo quy định. Các phòng bộ môn được đầu tư thiết bị dạy học, đã tăng cường 04 ti vi, bước đầu đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong hỗ trợ công tác dạy học và các hoạt động giáo dục **[H3-1.5-03].**

**Mức 3:**

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định như phòng tin học có 30 máy tính, phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ thực hành, thí nghiệm cho HS khi học tập các bộ môn thực nghiệm. Tuy nhiên, số lượng máy tính ở phòng tin học vẫn chưa đáp ứng đủ số lượng học sinh khi thực hành **[1.6-02].**

**2. Điểm mạnh**

Được sự quan tâm của Huyện Ủy, hội đồng nhân dân, UBND huyện Cư M’gar, trường đã cơ bản có đầy đủ phòng học, phòng thực hành, các phòng chức năng và trang thiết bị dạy và học. Ở hầu hết phòng học theo nhu cầu và được bố trí khoa học, hợp lý. Trong mỗi phòng học, đều được trang bị, niêm yết đầy đủ như: bảng chống loá, quạt mát, bóng đèn… phục vụ cho công tác dạy và học; có ảnh Bác Hồ, cờ tổ quốc và các khẩu hiệu theo qui định.

Mỗi phòng học bộ môn đều có một màn hình ti vi lớn nhằm phục vụ cho việc ứng dụng CNTT, bước đầu đã đáp ứng kịp thời với yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**3. Điểm yếu**

Trường còn thiếu phòng Lab cho môn tiếng Anh, chưa có phòng thực hành riêng cho các môn KHTN… số lượng máy tính ở phòng tin học vẫn chưa đáp ứng đủ số lượng học sinh khi thực hành.

Các tổ chuyên môn và các đoàn thể hàng tháng sinh hoạt đang sử dụng ghép.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục tham mưu có hiệu quả với huyện Ủy, hội đồng nhân dân, UBND huyện và phòng GD-ĐT huyện Cư M’gar để kịp thời xây dựng phòng học thực hành bộ môn, cung cấp máy tính. Nhà trường có kế hoạch xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để tiết kiệm nguồn chi thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị ở các phòng khi cần thiết cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường, nhất là đáp ứng kịp thời với chương trình Giáo dục Phổ thông 2018.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường có Khối hành chính quản trị bao gồm các phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hội đồng sư phạm, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng tin học, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Đội, 01 phòng y tế, 01 phòng kế toán, 01 phòng văn thư, nhà đa năng, khu nội trú, nhà ăn, nhà bếp phục vụ học sinh, các phòng có diện tích đảm bảo đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục trong nhà trường **[3.2-01]; [3.3-01].**

Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Khu để xe bao gồm: khu nhà xe giáo viên có diện tích chứa đủ số lượng xe của GV, NV và khách đến liên hệ công tác, nhà xe được đặt ở nơi thuận lợi ra vào không ảnh hưởng học tập, rèn luyện của học sinh **[3.2-01].**

Vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, nhà trường đều thành lập tổ kiểm kê tài sản để nắm bắt những tài sản đã hỏng, hết hạn sử dụng. Từ đó, có kế hoạch thanh lý, sửa chữa, bổ sung kịp thời các thiết bị phục vụ cho khối hành chính - quản trị làm việc hiệu quả **[3.3-02]; [3.3-03].**

**Mức 2:**

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định như: Văn phòng nhà trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng kế toán, phòng văn thư, 01 phòng kho, 01 phòng truyền thống, nhà đa năng, khu nội trú, nhà ăn, nhà bếp phục vụ học sinh theo quy định. Phòng y tế đã có đầy đủ trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc có các loại thuốc thiết yếu được trang bị thường xuyên, kịp thời phục vụ cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường. Tuy nhiên, một số nền gạch phòng hành chính quản trị được xây dựng và đã qua sử dụng lâu năm đến nay đang có tình trạng hư hỏng, xuống cấp **[H8-3.3-04].**

**Mức 3:**

Khối hành chính - quản trị ngoài việc được sửa chữa bổ sung, các thiết bị còn được kết nối hệ thống internet, có sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho văn thư, kế toán, có trang Website nhà trường, hệ thống SMS để việc thông tin đến toàn HĐSP nhà trường và đến CMHS kịp thời, nhanh chóng. Các trang thiết bị được sắp xếp hợp lý khoa học, được lãnh đạo các cấp kiểm tra đánh giá cao. Nhà trường có khối phòng hành chính-quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động trong nhà trường **[3.3-05]; [H3-1.5-03].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có khối hành chính - quản trị đạt chuẩn theo quy định. Các dãy phòng từng bước được kiên cố hóa theo hướng hiện đại, đáp ứng các yêu cầu cần thiết.

**3. Điểm yếu**

Một số nền gạch phòng hành chính quản trị được xây dựng và đã qua sử dụng lâu năm đến nay đang có tình trạng hư hỏng, xuống cấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục tham mưu với UBND huyện để xây dựng nâng cấp một số khối phòng hành chính, quản trị, khối phòng phục vụ học tập. Xây dựng mới các phòng làm việc dành cho các tổ chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng biệt giữa GV và HS, giữa nam và nữ, được xây dựng đảm bảo theo chuẩn của quy định Điều lệ trường học, ở vị trí phù hợp với cảnh quan, an toàn, thuận tiện, đảm bảo không ô nhiễm môi trường **[3.1-02].**

Có đủ nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của GV, NV và HS trong nhà trường. Có bể và bồn nước chứa nguồn nước giếng sạch an toàn cung cấp đầy đủ nước phục vụ sinh hoạt hằng ngày của nhà trường **[H8-3.4-01]; [H8-3.4-02].**

Nhà trường đã trang bị các thùng đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, hợp đồng với công ty môi trường thu gom rác thải, có nhân viên tạp vụ thu dọn vệ sinh, quét rác trong khu vực khuôn viên nhà trường đảm bảo thường xuyên và sạch sẽ. Đồng thời có kế hoạch cho các lớp học lao động dọn vệ sinh trường, lớp hàng ngày **[3.4-03].**

**Mức 2:**

Nhà trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận lợi, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, tuy nhiên khu vệ sinh của GV, HS do sử dụng lâu năm nên nay đã xuống cấp **[3.1-02].**

Nhà trường có nguồn nước sạch hằng năm được kiểm định tại Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên đảm bảo vệ sinh cung cấp nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt không ứ đọng xung quanh trường lớp, có thùng đựng và phân loại rác thải. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối đi riêng, đúng khoảng cách quy định và cuối chiều gió. Rác được Công ty môi trường thu gom đúng ngày, không để rác ứ đọng gây ô nhiễm, nhân viên tạp vụ thường xuyên dọn vệ sinh giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp. Tuy nhiên đôi lúc có HS còn bỏ rác chưa đúng nơi quy định làm ảnh hưởng tới cảnh quan môi trường **[H8-3.4-02]; [3.4-04].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có khu để xe, khu vệ sinh riêng biệt dành cho giáo viên, nhân viên, HS nam và HS nữ được bố trí hợp lý, đảm bảo trật tự, an toàn và rộng rãi, đảm bảo cảnh quan môi trường.

Nguồn nước sạch đầy đủ, bể chứa có dung tích đủ dùng phục vụ thuận tiện cho sinh hoạt hàng ngày cho các em học sinh.

Có hệ thống nước lọc phục vụ cho ăn uống của GV, HS khi ở tại trường.

Có nhân viên phụ trách công tác vệ sinh nên nhà vệ sinh đảm bảo thường xuyên sạch sẽ, nguồn nước cung cấp đầy đủ, thường xuyên.

Hằng năm, nhà trường kí hợp đồng với công ty Môi trường đo thị thị trấn Quảng Phú để thu gom rác thải đúng theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Đôi lúc vẫn còn có một vài HS còn bỏ rác chưa đúng nơi quy định làm ảnh hưởng tới cảnh quan môi trường sân trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tăng cường lồng ghép giáo dục ý thức, kĩ năng sống cho học sinh dưới các hình thức sau: sinh hoạt dưới cờ, phát thanh măng non, tích hợp trong giảng dạy của từng giáo viên bộ môn…nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng: Máy tính, máy in, máy phô tô và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường theo quy định **[1.6-02].**

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học như tranh ảnh, mô hình, hóa chất...đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo qui định đối với tất cả các bộ môn, đáp ứng được mục tiêu của chương trình đối với cấp học; phòng thiết bị được bố trí thuận tiện, hệ thống thiết bị dễ tìm, ngăn nắp, tương đối đủ so với yêu cầu cần thiết của từng môn học; cách sắp xếp kho thiết bị của nhà trường thuận lợi cho việc giáo viên tìm kiếm và sử dụng, tuy nhiên một số tranh ảnh, đồ dùng, hóa chất qua sử dụng đã bị hư hỏng, hết hạn sử dụng mà chưa được tiêu hủy kịp thời**[H9-3.5-01].**

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến hành tổ chức kiểm kê đồ dùng và thiết bị của từng bộ phận, ban ngành.Thực hiện kịp thời việc sửa chữa, nâng cấp đồ dùng dạy học và thiết bị dạy học đã bị hư hỏng để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng **[3.3-02]; [3.3-03].**

**Mức 2:**

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy và học**[3.3-05].**

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết như: tranh ảnh, dụng cụ thực hành, hoá chất, mô hình, bản đồ, lược đồ… để phục vụ cho dạy và học **[1.6-02].**

Hàng năm, nhà trường thường được cập nhật thêm trang thiết bị dạy học theo quy định của cấp trên và mua bổ sung thêm các thiết bị đã hư hỏng. Có kế hoạch và tổ chức cho các tổ chuyên môn làm đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học các bộ môn. Tuy nhiên, việc phát động tự làm đồ dùngdạy học hằng năm của các tổ chuyên môn chưa được thường xuyên **[3.3-03].**

**Mức 3:**

Việc xây dựng lịch mượn, trả và sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên thực hiện thường xuyên, các thiết bị dạy học được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả trong các giờ lên lớp đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học thường xuyên đã giúp cho chất lượng dạy học trong những năm gần đây có chuyển biến mạnh và đạt chất lượng cao. Tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên mượn và sử dụng đồ dùng có đôi lúc chưa thường xuyên **[3.5-02]**;**[3.5-03].**

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ GD-ĐT. Các tổ chuyên môn thường xuyên động viên, nhắc nhở giáo viên thực hiện tốt việc sử dụng đồ dùng dạy học.

Hầu hết các GV đều có kế hoạch và thực hiện tích cực việc sử dụng thiết bị đồ dùng trong các giờ thực hành và giờ lên lớp.

 Công tác quản lý và sử dụng của cán bộ phụ trách thiết bị và GV khá hiệu quả. Công tác kiểm kê thiết bị đồ dùng đánh giá việc bảo quản sử dụng của tổ, nhóm chuyên môn được thực hiện khá chặt chẽ.

**3. Điểm yếu**

Hiện tại một số tranh ảnh, đồ dùng, hóa chất qua sử dụng đã bị hư hỏng, hết hạn sử dụng nhưng có đôi lúc chưa được tiêu hủy kịp thời.

Việc phát động tự làm đồ dùngdạy học hằng năm của các tổ chuyên môn có đôi lúc chưa được thường xuyên.

Vẫn còn một số ít giáo viên mượn và sử dụng đồ dùng có đôi lúc chưa thường xuyên

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy các điểm mạnh và xây dựng các giải pháp để khắc phục điểm yếu mà nhà trường đã nhận định được như đã nêu ở trên, cụ thể như:

Phát động trong các tổ chuyên môn hằng năm xây dựng kế hoạch và phát động thi đua việc sử dụng và tự làm đồ dùng dạy học.

Kịp thời tham mưu với các cấp có thẩm quyền tiêu hủy các hóa chất đã hết hạn sử dụng theo quy định và tiếp tục tham mưu với PGD, phòng tài chính kế hoạch huyện cấp ngân sách bổ sung để nhà trường mua sắm bổ sung kịp thời những thiết bị và đồ dùng dạy học cần thiết đáp ứng nhu cầu dạy học trong nhà trường.

Nhân viên thiết bị cần quản lí tốt công tác mượn, trả các đồ dùng thí nghiệm theo quy định của giáo viên; công tác kiểm kê mỗi kỳ học, các thiết bị của bộ đồ dùng để nắm bắt số lượng cần bổ sung, sửa chữa.

Tăng cường phối kết hợp với tổ trưởng chuyên môn trong việc phát động và đẩy mạnh việc sử dụng thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục trong nhà trường.

Khai thác triệt để kiến thức từ các bộ đồ dùng để nâng cao chất lượng các giờ lên lớp. Phát huy hiệu quả việc sử dụng các loại đồ dùng tự làm.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

Hằng năm, nhân viên phụ trách thư viện tích cực tham mưu với nhà trường thực hiện việc mua sắm và bổ sung đầy đủ các đầu sách và các tài liệu tham khảo. Các loại sách, tài liệu được sắp xếp cẩn thận, đảm bảo được tính khoa học cao. Có đầy đủ sách giáo khoa sắp xếp khoa học, hợp lý theo từng loại sách cho từng tủ để tiện cho việc tra cứu mượn sách trong thư viện. Các cuốn sách đều được niêm yết mã số, tên tác giả giúp người đọc, mượn trả một cách thuận tiện khoa học và giúp cho người quản lý thư viện quản lý sách đảm bảo yêu cầu **[3.6-01]; [3.6-02].**

Thư viện nhà trường hoạt động thường xuyên, đúng quy định về thời gian đáp ứng tốt cho nhu cầu đọc và tìm kiếm tài liệu, việc nghiên cứu của học sinh, cán bộ, nhân viên trong nhà trường. Nội quy thư viện và lịch mượn sách được xây dựng khoa học theo lịch từng ngày, khối, lớp tiện cho CB, GV, NV và HS tham gia mượn và tra cứu tài liệu. Tuy nhiên trong năm học 2020-2021 thì cán bộ thư viện chuyển công tác, nhà trường phải điều động nhân viên thiết bị kiêm nhiệm nên hiệu quả hoạt động không cao **[3.6-01].**

Hằng năm, cán bộ thư viện đã làm tốt công tác kiểm kê để từ đó kịp thời tham mưu với BGH nhà trường bổ sung thêm sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo **[3.3-02]; [3.3-03].**

**Mức 2:**

Thư viện đã được đánh giá đạt chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định **[H9-3.6-03]; [H9-3.6-04].**

**Mức 3:**

Nhà trường trang bị phòng thư viện có máy tính, máy in và được nối mạng internet dùng để tra cứu và cập nhật thông tin trên mạng, thu thập thông tin mới. Sách báo mới về được cập nhật vào phần mềm và in ra sổ, có hóa đơn, chứng từ theo dõi quản lý tài sản sách báo khoa học, chính xác **[3.6-01]; [1.6-02].**

**2. Điểm mạnh**

Thư viện nhà trường đã được đánh giá đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GDĐT*.* Hằng năm, nhà trường có kế hoạch và thực hiện bổ sung các đầu sách, tài liệu tham khảo mới phục vụ nhu cầu của bạn đọc.

Tủ và giá sách thiết kế đa dạng, kiểu dáng tiện cho việc tra cứu lấy sách thu hút được người đọc, nghiên cứu… Sách giáo khoa phân loại khoa học sắp xếp, gọn gàng ngăn nắp tiện cho việc quản lý. Sổ sách cập nhật ghi chép đầy đủ, rõ ràng.

Các bản sách mới thường xuyên được cán bộ thư viện giới thiệu cho độc giả qua các buổi sinh hoạt dưới cờ và chương trình phát thanh măng non của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Trong năm học 2020-2021 nhân viên thư viện chuyển công tác việc điều động bổ sung của UBND huyện chưa kịp thời nhà trường phải bố trí nhân viên thiết bị kiêm nhiệm nên hiệu quả hoạt động không cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng mở rộng quy mô thư viện nhà trường. Tiếp tục tiết kiệm ngân sách chi thường xuyên mua sắm bổ sung nhiều bản sách truyện, sách tham khảo…để đáp ứng nhu cầu tham khảo của cán bộ GV, NV và HS.

Trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, hướng đến xây dựng thư viện số. Duy trì công tác bổ sung sách, tài liệu tham khảo … vào đầu mỗi năm học.

Tiếp tục phát động CBQL, GV, NV, các nhà hảo tâm, HS đồng hành ủng hộ thêm nhiều bản sách để thư viện nhà trường thêm phong phú và đa dạng.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

Với khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, xanh, sạch, đẹp; với công tác tổ chức, quản lí cơ sở vật chất khoa học hiệu quả trong những năm qua trường PT DTNT THCS huyện Cư M’gar đã làm tốt tham mưu với Huyện Ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Cư M’gar tu sửa, bổ sung CSVC theo hướng kiên cố hóa và hiện đại hóa nên cơ bản đã đáp ứng nhu cầu quản lí và dạy- học. Tuy nhiên, công tác xây dựng một số hạng mục CSVC nhà trường vẫn chưa theo kịp nhu cầu phát triển xã hội. Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền để đầu tư xây dựng các phòng thực hành, thí nghiệm dành cho các bộ môn Khoa học - tự nhiên, phòng Lab, phòng sinh hoạt cho các tổ chuyên môn, bổ sung đầu sách, xây dựng thư viện điện tử cho học sinh; sửa chữa, nâng cấp nền phòng học các lớp, bổ sung dụng cụ thể thao, khu bãi tập đa dạng, khang trang phục vụ dạy học và rèn luyện sức khỏe cho học sinh; bổ sung trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Nhà trường có khối phòng hành chính, quản trị phục vụ cho công tác giảng dạy nhưng diện tích chưa đạt chuẩn. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích rộng, đủ bóng mát cho học sinh vui chơi nhưng chưa đa dạng kiểu sân chơi bãi tập. Thư viện nhà trường được đánh giá đạt chuẩn, có các đầu sách giáo khoa, sách tham khảo, tài liệu, báo chí đa dạng phục vụ tốt cho nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu, tra khảo thông tin của giáo viên và học sinh theo quy định.

Với thực tế trên, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến như tham mưu với cấp trên tăng cường nguồn kinh phí xây dựng CSVC, trang thiết bị cho khu sân chơi, bãi tập, xây dựng sân bóng đá mini và hoàn thiện hệ thống khu luyện tập bộ môn điền kinh. Thư viện trường có những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, được trang bị thêm máy tính phục vụ cho việc tra cứu, tìm kiếm thông tin của bạn đọc, hướng đến phát triển thư viện số, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

Qua kết quả đánh giá 06 tiêu chí của tiêu chuẩn 03, trường tự đánh giá mức đạt như sau:

*+* ***Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 06***

***+ Số tiêu chí đạt: 06***

***+ Số tiêu chí không đạt: 0***

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* + **Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %**
  + **Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %**
  + **Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %**
  + **Đạt Mức 3: 4/5 tiêu chí chiếm 100 %**

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của Huyện ủy, UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo Cư M’gar cùng với sự phối hợp hỗ trợ của cha mẹ học sinh nhà trường; tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Cư M’gar đã nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; xây dựng quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; nâng cao hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục. Cho đến thời điểm hiện nay, qua quá trình tự đánh giá nhà trường nhận thấy đã cơ bản đạt được các tiêu chí của 05 tiêu chuẩn theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối chiếu với các tiêu chí của 05 tiêu chuẩn, trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Cư M’gar tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: (26/28) (18/20) tiêu chí chiếm 92.9 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
  + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ GDĐT, TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CƯ MGAR tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

*Cư M’gar, ngày 15 tháng 9 năm 2022*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**